

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2018/HSST**
Ngày 09/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn H
Ông Nguyễn C
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị B
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:* Ông Trương Ngọc B – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2018/TLST-HS ngày 31/8/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HS ngày 13/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Thúy L** – sinh năm 1963 tại N, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B – sinh năm 1940 và bà: Lương Thị P (chết); có chồng Trần Ngọc L và 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn T** – sinh năm 1999 tại N, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn K – sinh năm 1970 và bà: Võ Thị Thu T – sinh năm 1978.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Thân Thị Hoài P (chết) – *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Thân Văn H – sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị D – sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông H và bà D có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Văn K – sinh năm 1970

2. Bà Võ Thị Thu T – sinh năm 1978

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông K và bà T có mặt.

2. Ông Trần Văn B – sinh năm 1940

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thúy L và Trần Văn T đều không có giấy phép lái xe, nhưng khoảng 16 giờ 00 ngày 07/01/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 79H1 – 562.61 chở sau Thân Thị Hoài P lưu hành hướng N đi T. Khi đến Km số 1423 + 300 Q lộ 1A thuộc thôn T, xã Q, thị xã N nơi đoạn đường có giải phân cách mở, T phát hiện xe mô tô biển số 79K3 – 7923 do L điều khiển đang chuyển hướng từ lề bên phải qua đường, do T không giảm tốc độ đến mức đảm bảo an toàn và L chuyển hướng không đảm bảo an toàn nên hai xe mô tô đâm vào nhau gây tai nạn giao thông. Hậu quả làm P bị thương và được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa, đến ngày 22/01/2018 thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 102/GĐHS-TTPY ngày 06/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận nguyên nhân tử vong của Thân Thị Hoài P do chấn thương sọ não.

Theo sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/01/2018 thì nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, có tầm nhìn xa tốt, mặt đường rải nhựa bằng phẳng, mỗi bên rộng 9,15m, bao gồm hai làn đường xe cơ giới có vạch kẻ phân chia làn đường dạng đứt quãng rộng 7,15m; lề đường cứng rộng 2m. Sau tai nạn xe mô tô 79K3- 7923 nằm ngã nghiêng bên phải trên mặt đường có để lại vùng nhót và vết cày xước dạng đứt quãng dài đến gác chân máy là 4,45m; điểm đầu vết cày xước cách mép đường là 6,25m.

Xe mô tô 79H1 – 562.61 nằm ngã bên trái trên phần đường hướng N đi T và để lại vết cày xước dạng đứt quãng dài 17,1m, điểm đầu vết cày xước cách mép đường bên phải là 7,05m.

Tại các biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 07/01/2018 xác định: Hai xe mô tô 79H1 – 562.61 và 79K3 – 7923 bị hư hỏng trầy xước nhiều bộ phận như vành nan hoa, phuộc giảm chấn, cần đạp phanh, gác chân...

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 18/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Trần Thị Thúy L và Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thúy L từ 18 – 24 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 18 – 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 140.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình của bị cáo T đã bồi thường 70.000.000 đồng nên không yêu cầu nữa, bị cáo L đã bồi thường 30.000.000 đồng nên yêu cầu tiếp tục bồi thường 40.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường thêm 40.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Thân Văn H và bà Hoàng Thị D yêu cầu bị cáo Trần Thị Thúy L bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Trần Thị Thúy L và bị cáo Trần Văn T được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn K và bà Võ Thị Thu T không yêu cầu bị cáo Trần Văn T trả lại số tiền 70.000.000 đồng mà ông bà đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại thay cho bị cáo Trọng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thúy L và Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị Thúy L và Trần Văn T đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác, các bị cáo không có giấy phép lái xe nhưng vẫn điều khiển xe tham gia giao thông gây tai nạn, hậu quả bị hại Thân Thị Hoài P bị thương và chết tại bệnh viện, do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi ở ổn định, rõ ràng. Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Trần Thị Thúy L đã bồi thường một phần thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 30.000.000 đồng, sau tai nạn bị cáo L bị gãy xương tay và hiện tại sức khỏe chưa được phục hồi, cần được tái khám để kiểm tra. Đối với bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng, hiện tại bị cáo đang theo học tại trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ T. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục.

Về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ: Xe mô tô 79K3 – 7923 thuộc sở hữu của ông Trần Văn B. Tại bút lục số 185 ngày 10/6/2018, ông B khai nhận vào năm 2016, ông đã cho

bị cáo Trần Thị Thúy L sử dụng xe mô tô 79K3 – 7923 vì bị cáo L nói đã có giấy phép lái xe. Tại phiên tòa, bị cáo L cũng thừa nhận khi ông B cho bà sử dụng xe mô tô 79K3 – 7923 thì bà nói với ông B đã có giấy phép lái xe. Do đó ông B không có lỗi trong việc giao xe cho bị cáo L khi bị cáo L không có giấy phép lái xe. Xét thấy hành vi của ông B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 140.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình của bị cáo T đã bồi thường 70.000.000 đồng nên không yêu cầu nữa, bị cáo L đã bồi thường 30.000.000 đồng nên yêu cầu tiếp tục bồi thường 40.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng ông Trần Văn K và bà Võ Thị Thu K đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại thay cho bị cáo T. Tại phiên tòa, ông K và bà T không yêu cầu về số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án: Xe mô tô 79K3 – 7923 thuộc sở hữu của ông Trần Văn B. Xe mô tô 79H1 – 562.61 thuộc sở hữu của bị cáo Trần Văn T. Hai xe mô tô hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự thị xã N, cần trả lại cho chủ sở hữu ông Trần Văn B và bị cáo Trần Văn T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2018 giữa cơ quan Công an thị xã N và Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

4. Về án phí:

- Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo Trần Thị Thúy L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự

Bị cáo Trần Thị Thúy L và bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thúy L 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Thân Văn H, bà Hoàng Thị D với bị cáo Trần Thị Thúy L, bị cáo Trần Thị Thúy L phải bồi thường cho ông Thân Văn H và bà Hoàng Thị D số tiền 40.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về vật chứng vụ án: Trả lại cho ông Trần Văn B xe mô tô 79K3 – 7923 và trả lại cho bị cáo Trần Văn T xe mô tô 79H1 – 562.61 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2018 giữa cơ quan Công an thị xã N và Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị Thúy L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Công an;
- Sở tư pháp;
- UBND xã L, S;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương